

Hà Nội, Ngày 07 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Phòng Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật

Thực hiện Văn bản số 07/CV-HĐ ngày 03/7/2026 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố về việc xây dựng tài liệu, cử báo cáo viên và tổ chức tập huấn các văn bản triển khai thi hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Sở Tư pháp, Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật đã xây dựng tài liệu và cử báo cáo viên triển khai Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND Thành phố quy định việc áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện khoản 2 Điều 14 Luật Thủ đô) (*gửi kèm theo*) gồm:

- Nội dung tài liệu chuyên đề pháp luật về Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND.
- Danh sách báo cáo viên triển khai Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND.

Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật kính gửi Phòng Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Đ.c Phạm Thanh Cao -PGĐ Sở (để báo cáo);
- Lưu P.XLVPHC&THPL

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thanh Tâm

TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ PHÁP LUẬT

1. Tên Nghị quyết: Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 quy định việc áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện khoản 2 Điều 14 Luật Thủ đô).

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết:

2.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024, có hiệu lực từ 01/01/2025. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 33 Luật số 39/2024/QH15, HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 quy định việc áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước trên địa bàn thành phố Hà Nội (có hiệu lực ngày 01/01/2025) và Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND (có hiệu lực ngày 29/9/2025), (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND). Ngày 23/4/2026, Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 được thông qua, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 với nhiều nội dung sửa đổi quan trọng, trong đó quy định về biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước tiếp tục được kế thừa từ Luật Thủ đô năm 2024, đồng thời bổ sung thêm các trường hợp bị áp dụng biện pháp này để bảo đảm phù hợp với thực tiễn quản lý của chính quyền Thủ đô. Tại khoản 2 Điều 14 Luật Thủ đô năm 2026 tiếp tục giao cho “Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh để bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố”. Ngày 01/5/2026, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 177/KH-UBND về tổ chức thi hành Luật Thủ đô, trong đó nội dung xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố cụ thể hóa quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Thủ đô về áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội là một trong những nội dung được Luật Thủ đô giao quy định chi tiết và cần được ban hành kịp thời, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 cùng với hiệu lực của Luật Thủ đô.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Việc thi hành Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND cho thấy nhiều kết quả tích cực. Kết quả đánh giá của các cơ quan, đơn vị cho thấy quy định của Nghị quyết đảm bảo tính khả thi cao, phù hợp với thực tiễn, là công cụ hữu hiệu trong quản lý nhà nước, kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm và tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác xử lý vi phạm hành chính. Tính đến ngày 30/4/2026, tổng số quyết định áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước của người có thẩm quyền trên địa bàn Thành phố là 801 Quyết định. Tuy nhiên, quá trình thực thi Nghị quyết số

33/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND cũng cho thấy một số vướng mắc, khó khăn nhất định. Cụ thể, Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND (Điều 3) được xây dựng trên cơ sở quy định của khoản 2, khoản 3 Điều 33 Luật Thủ đô năm 2024, do vậy các trường hợp được áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước chủ yếu tập trung vào 04 nhóm hành vi vi phạm liên quan đến quy hoạch, trật tự xây dựng, đất đai, phòng cháy chữa cháy và công trình thuộc diện phải di dời khẩn cấp. Qua đánh giá việc triển khai cho thấy việc thi hành Nghị quyết của HĐND Thành phố bảo đảm tính khả thi, các quyết định áp dụng được ban hành là cơ chế quản lý hữu hiệu, kịp thời ngăn chặn hành vi vi phạm và tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước các lĩnh vực liên quan đến trật tự xây dựng, đất đai, phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn Thủ đô. Tuy nhiên, Thủ đô là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, là trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục, đào tạo, y tế và hội nhập quốc tế, có địa bàn rộng, ngoài các hành vi trên còn phát sinh các vi phạm khác cũng rất phức tạp và có tính đặc thù, nổi cộm trên thực tế như: vi phạm về môi trường, vi phạm pháp luật về điều kiện phòng cháy, chữa cháy của các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, nhà ở kết hợp với kinh doanh (nhà trọ) không thuộc trường hợp phải thẩm duyệt, thẩm định thiết kế về phòng cháy chữa cháy nhưng có nguy cơ cháy nổ rất cao tồn tại trong khu dân cư..., những hành vi này chưa được Luật Thủ đô 2024 quy định. Do vậy, Nghị quyết của HĐND Thành phố cũng không thể bổ sung những hành vi vi phạm này vào các trường hợp áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết:

3.1. Mục đích

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm quy định chi tiết các nội dung khoản 2 Điều 14 Luật Thủ đô giao cho HĐND Thành phố quy định về việc áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước, đồng thời phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của pháp luật; Tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước, ngăn chặn kịp thời và xử lý dứt điểm các vi phạm hành chính một số lĩnh vực phức tạp, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp, tài sản của người dân và doanh nghiệp; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường trên địa bàn Thủ đô

3.2. Ý nghĩa và tác động

- Bảo đảm sự phù hợp, đồng bộ và thống nhất, tính hợp hiến, hợp pháp trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với thực tiễn quản lý tại địa phương. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền cơ sở (nhất là

cấp xã), đồng thời thiết lập công cụ kiểm soát quyền lực của các cơ quan liên quan trong việc triển khai áp dụng Nghị quyết.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, có sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, đối tượng chịu tác động; tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm; xác định rõ trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản.

- Nghị quyết ban hành là công cụ quan trọng trong quản lý nhà nước, tác động trực tiếp nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân, tổ chức trên địa bàn Thủ đô.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết bao gồm 11 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2. Đối tượng áp dụng.
- Điều 3. Các trường hợp áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước.
- Điều 4. Thẩm quyền áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước.
- Điều 5. Trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành quyết định áp dụng và thực hiện biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước.
- Điều 6. Căn cứ chấm dứt việc áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước.
- Điều 7. Trình tự, thủ tục chấm dứt biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước.
- Điều 8. Tạm dừng việc áp dụng biện pháp ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước.
- Điều 9. Tổ chức thực hiện.
- Điều 10. Hiệu lực thi hành.
- Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp.

5. Điểm mới, đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết quy định cụ thể việc áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất kinh doanh vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Thủ đô năm 2026 là một biện pháp hành chính đặc thù được áp dụng riêng đối với địa bàn Thủ đô, hiện chưa được quy định trong các Luật, Văn bản quy phạm pháp luật dưới Luật.

Nghị quyết cơ bản kế thừa các quy định của Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND (thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 33 Luật Thủ đô 2024) về phạm vi, đối tượng áp dụng, các trường hợp áp dụng, thẩm quyền, trình tự thủ tục áp dụng, chấm dứt, tạm ngừng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước....

Trên cơ sở khoản 2 Điều 14 Luật Thủ đô năm 2026 và các quy định pháp luật có liên quan, Nghị quyết hoàn thiện, bổ sung thêm một số quy định mới:

- Nghị quyết không quy định biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với: “Công trình xây dựng, phần công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chưa có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành mà đã đưa vào hoạt động” quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 14 Luật Thủ đô 2026 và khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND để phù hợp với quy định của Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ (hiệu lực từ 01/7/2026 đến 28/02/2027) về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh theo đó, đã cắt giảm thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy chữa, chữa cháy và phục hồi hoạt động, do vậy Nghị quyết không quy định áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với các trường hợp này để phù hợp với quy định của Chính phủ.

- Nghị quyết bổ sung, cụ thể hóa các trường hợp bị áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với “Cơ sở kinh doanh dịch vụ vũ trường, kinh doanh dịch vụ karaoke (karaoke) không bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy” quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND. Trên thực tế, ngoài các hành vi vi phạm nghiêm trọng về phòng cháy, chữa cháy bị đình chỉ hoạt động cần áp dụng biện pháp này, còn có một số hành vi vi phạm về phòng cháy, chữa cháy mặc dù theo quy định của pháp luật không thuộc trường hợp bị đình chỉ hoạt động nhưng cần thiết phải áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện nước nhằm ngăn chặn kịp thời nguy cơ cháy nổ.

- Nghị quyết quy định bổ sung, cụ thể hóa thêm trường hợp bị áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước quy định tại điểm g khoản 2 Điều 14 Luật Thủ đô năm 2026 đối với “Cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình xây dựng vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường mà không thực hiện yêu cầu về việc dừng hành vi vi phạm, quyết định của cơ quan có thẩm quyền về đình chỉ hoạt động hoặc biện pháp khắc phục hậu quả”, cụ thể: căn cứ vào tình hình vi phạm về lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố trong thời gian qua và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi

phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Nghị quyết quy định một số hành vi vi phạm có tính chất điển hình, phức tạp, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường (xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải quy định hoặc có chứa các thông số môi trường nguy hại; Thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc thải bụi, khí thải có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép; Không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định; Thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải không đúng quy định) để áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Nghị quyết quy định điều khoản chuyển tiếp đối với các trường hợp đã lập hồ sơ áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước trước ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành, trong đó có việc xử lý chuyển tiếp đối với các trường hợp đã quyết định áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND quy định việc áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện nước trên địa bàn thành phố Hà Nội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND.

- Ngoài ra, Nghị quyết rà soát tổng thể, chỉnh sửa về mặt kỹ thuật toàn bộ nội dung được kế thừa từ Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

**BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 5496 /CAHN-TM

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

V/v xây dựng tài liệu, cử báo cáo viên
và tổ chức tập huấn các văn bản triển
khai thi hành Luật Thủ đô số
02/2026/QH16

Kính gửi: Sở Tư pháp Hà Nội.

Công an Thành phố nhận được văn bản số 07/CV-HĐ ngày 03/7/2026 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật về việc xây dựng tài liệu, cử báo cáo viên và tổ chức tập huấn các văn bản triển khai thi hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16.

Công an Thành phố báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Xây dựng tài liệu chuyên đề pháp luật để tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu các chính sách quy định tại 03 Nghị quyết triển khai thi hành Luật Thủ đô¹ (có phụ lục 01 gửi kèm theo).

2. Lập danh sách báo cáo viên để tuyên truyền về chính sách quy định trong Luật Thủ đô và các văn bản triển khai thi hành (có phụ lục 02 gửi kèm theo).

Công an Thành phố kính gửi Sở Tư pháp Hà Nội để tập hợp chung.

Nơi nhận:

- Như trên;
- (để phối hợp)
- Văn phòng UBND thành phố Hà Nội;
- Giám đốc CATP;
- (để báo cáo)
- Đ/c Nguyễn Hồng Ky, PGĐ;
- Đ/c Nguyễn Đức Long, PGĐ;
- Phòng CSPCTPVM_{TĐ}; CSPCCC&CNCH_{TĐ}
- Lưu: VT, TM-Đ4_{Tuyệt}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Quyền

¹ (1) Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND Thành phố quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm d khoản 1 Điều 26 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16);

(2) Nghị quyết số 56/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố quy định về mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; giao thông đường bộ liên quan trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16);

(3) Nghị quyết số 76/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn Thành phố (thực hiện khoản 1 Điều 33 Luật Thủ đô)

Phụ lục 01

(Ban hành kèm theo Công văn số...../CAHN-TM ngày/7/2026 của CATP)

Chuyên đề 1

NỘI DUNG TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ PHÁP LUẬT VỀ NGHỊ QUYẾT SỐ 23/2026/NQ-HĐND

I. Tên Nghị quyết: Nghị quyết quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội (*thực hiện điểm d khoản 1 Điều 26 Luật Thủ đô năm 2026*)

II. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Thủ đô số 02/2026/QH16.
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (*được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15*).
- Luật Phòng, chống ma túy số 120/2025/QH15.
- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15.
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15.
- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.
- Luật Việc làm số 74/2025/QH15.
- Luật Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.
- Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy.
- Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.
- Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người sau cai nghiện.
- Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Về công tác quản lý người quản lý sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội

Trong những năm qua, tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy ở trong nước nói chung, trên địa bàn Thủ đô nói riêng diễn biến rất phức tạp, nhất là trên các tuyến, địa bàn trọng điểm với phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm ma túy ngày càng tinh vi, nhất là gia tăng sử dụng công nghệ cao, mạng xã hội và thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 để thực hiện hành vi phạm tội.

Số người nghiện ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy, người quản lý sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy luôn ở mức cao với những diễn biến phức tạp, nguy cơ gây ra phức tạp về ANTT, TTATXH trên địa bàn Thành phố: Năm 2021, trên địa bàn thành phố Hà Nội có 17.528 người nghiện, người sử dụng ma túy trong danh sách quản lý¹, đa số người nghiện ma túy sử dụng các loại ma túy tổng hợp - đây là "*nguồn cầu*" tiêu thụ ma túy rất lớn và có xu hướng gia tăng từng năm, nguy cơ tiềm ẩn gây mất an ninh trật tự, gây bức xúc trong nhân dân; Năm 2026 (*tính đến ngày 14/4/2026*), tổng số người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy, người quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội là: 10.271 người (*giảm 7.360 người so với năm 2021 do phân loại, rà soát theo tiêu chí quản lý của Luật Phòng, chống ma túy 2021*), trong đó: có mặt tại cộng đồng: 6.013 người (*chiếm 58,5%*); Vắng mặt: 96 người (*chiếm 1%*); Ở Cơ sở cai nghiện: 4.118 người (*chiếm 40,1%*); Ở cơ sở tạm giữ, trại tạm giam: 44 người (*chiếm 0,4%*) - số liệu giảm do căn cứ tiêu chí của Luật phòng chống ma túy 2021 và tính chất, xu hướng người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy sử dụng nhiều loại ma túy tổng hợp, bán tổng hợp khác nhau gây khó khăn trong công tác phát hiện, quản lý và điều trị, đặc biệt số người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy có xu hướng trẻ hóa... tuy nhiên, con số này chưa phản ánh đúng tình hình thực tế trên địa bàn Thủ đô khi mà số người nghiện ma túy được đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy tăng dần qua các năm (*năm 2023: 2.490; năm 2024: 3.375; năm 2025: 4.295*). Từ 1/3/2025, Công an TP tiếp nhận các Cơ sở cai nghiện từ Sở Lao động thương binh và xã hội theo Đề án của Bộ Công an, kết quả 01 năm: tiếp nhận mới **3.935** người cai nghiện²; hoàn thành cai nghiện ma túy **3.909** trường hợp³.

Theo thống kê của Công an TP Hà Nội, tính đến 14/4/2026, trên địa bàn TP Hà Nội có 16.314 người chấp hành xong án phạt tù về ma túy (*trong đó, đặc xá: 136, tha tù trước thời hạn có điều kiện: 63, đã chấp hành xong án phạt tù: 16.115*). Số người chấp hành xong án phạt tù tại cộng đồng là một trong những nguyên nhân tiềm ẩn làm phát sinh các yếu tố phức tạp về an ninh trật tự nếu không có cơ chế, quản lý, hỗ trợ và phòng ngừa hiệu quả.

Số người nghiện, người sử dụng trái phép ma túy, người quản lý sau cai nghiện, người chấp hành xong án phạt tù ở cộng đồng còn nhiều gây nguy cơ hình thành, phát sinh những điểm mua bán, tổ chức, chứa chấp việc sử dụng trái phép ma túy (*trung bình hàng năm có hơn 1.000 người hoàn thành chương trình cai*

¹ Trong đó: Có mặt tại cộng đồng: 11.961 người; Vắng mặt: 2.359 người; Ở Cơ sở cai nghiện của Thành phố: 1.649 người; Ở trường trại: 1.559 người.

² Tăng 1.464 người = 59,2% so với mốc thời gian từ 15/12/2025 - 28/02/2025; giảm 359 người = 8,4% so với mốc thời gian từ 15/12/2024 - 14/12/2025.

³ Tăng 2.377 = 155,2% so với mốc thời gian từ 15/12/2025 - 28/02/2025, tăng 793 người = 24,5% so với mốc thời gian từ 15/12/2024 - 14/12/2025.

nghiện tại các cơ sở cai nghiện ma túy về địa phương được đưa vào quản lý người sau cai nghiện ma túy và có hơn 2.000 người chấp hành xong án phạt tù về ma túy về cộng đồng) - số đối tượng trên thường rất dễ trở thành tội phạm về TTXH với các nguyên nhân: mua đi, bán lại ma túy hoặc cướp, trộm cắp tài sản... để vừa có tiền chi tiêu vừa có ma túy để sử dụng, đáng lưu ý, một trong những nguyên nhân gây tái nghiện, tái vi phạm pháp luật của người sau cai nghiện ma túy và người chấp hành xong án phạt tù là không có nghề nghiệp ổn định, còn thiếu hiểu biết về pháp luật, trong khi đó các quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy ngày càng chặt chẽ, dẫn đến thực trạng hiện nay nhiều đối tượng trẻ tuổi từ việc được rửa rơ cùng sử dụng trái phép chất ma túy trở thành đồng phạm trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, rồi tiếp tục thực hiện các vi phạm pháp luật với mức độ ngày càng đặc biệt nghiêm trọng như: giết người, cướp tài sản....

Hà Nội là Thủ đô - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của cả nước, tập trung nhiều đầu mối giao thông huyết mạch đi các tỉnh thành phố trong nước bao gồm đường bộ, đường sắt, đường hàng không nội địa và quốc tế... với số lượng người từ các tỉnh trong cả nước về cư trú làm ăn, sinh sống và học tập trên địa bàn Thủ đô lớn, ngoài ra mỗi năm có hàng triệu lượt khách nước ngoài, việt kiều nhập cảnh, tạm trú tại Hà Nội với nhiều mục đích khác nhau..., đây là những điều kiện thuận lợi để các loại tội phạm hình sự nói chung, tội phạm ma túy nói riêng lợi dụng hoạt động. Trong sự hội nhập, phát triển kinh tế, kéo theo đó là phát sinh tệ nạn xã hội trong đó có tệ nạn ma túy, gia tăng số người trẻ sử dụng trái phép chất ma túy và tỷ lệ người tái nghiện ma túy, cần thiết phải áp dụng các biện pháp quản lý cụ thể để làm tốt công tác phòng, ngừa tội phạm và tệ nạn ma túy theo Luật Phòng, chống ma túy 2025 và ngăn chặn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm khác do "*tội phạm ma túy là tội phạm của các loại tội phạm*".

2.2. Về hệ thống Cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.2.1. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập

(1) Ngày 14/2/2026, CATP Hà Nội có Quyết định số 1169, 1170, 1171, 1172/QĐ-CAHN về việc công bố Cơ sở cai nghiện ma túy số 1, số 2, số 3, số 4 thuộc phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng với phạm vi cai nghiện theo 03 giai đoạn: ⁽¹⁾Tiếp nhận, phân loại; ⁽²⁾Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị các rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác; ⁽³⁾Giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách.

(2) Việc thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng phát huy vai trò chuyên môn của cơ sở cai nghiện công lập, đa dạng hóa hình thức cai nghiện, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ cho người nghiện ma túy, nâng cao hiệu quả hỗ trợ, tái hòa nhập cộng đồng và phòng ngừa tái nghiện. Tuy nhiên, hiện chưa có khung định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước liên quan đến công tác cai nghiện ma túy làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ đối với công tác cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập theo quy định, do đó, đến nay, các cơ sở cai nghiện

ma túy này chưa thể cung cấp được các dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

(3) Tính đến 01/3/2026, trên địa bàn thành phố Hà Nội không có trường hợp nào đang cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

2.2.2. Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện do tư nhân quản lý

(1) Từ 12/2020 đến 6/2024, trên địa bàn Hà Nội, có 03 cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện ngoài công lập đã được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp giấy phép và hoạt động gồm: Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Bạch Đằng; Trung tâm nghiên cứu điều trị cai nghiện bằng châm cứu thuộc Bệnh viện Châm cứu Trung ương, Bộ Y tế; Phòng Điều trị nghiện ma túy và chống tái nghiện, Viện sức khỏe tâm thần, Bệnh viện Bạch Mai, Bộ Y tế; đã tiếp nhận và điều trị cho 3.953 lượt người.

(2) Tình hình hoạt động của các cơ sở cai nghiện tư nhân

- Các cơ sở đều hoạt động trên cơ sở giấy phép của Bộ Y tế cấp theo quy định của Nghị định 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; tuy nhiên, theo quy định của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP, các cơ sở này đều chưa đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí đối với một cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, do đó, hiện chỉ thực hiện việc cắt cơn từ 7 đến 10 ngày cho người sử dụng ma túy tự nguyện đến đăng ký điều trị.

- Tháng 6/2024, Phòng Điều trị nghiện ma túy và chống tái nghiện, Viện sức khỏe tâm thần, Bệnh viện Bạch Mai đã hết hạn giấy phép hoạt động theo Nghị định 147/2013/NĐ-CP và không tiếp tục hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Tháng 8/2024, Trung tâm nghiên cứu điều trị cai nghiện bằng châm cứu thuộc Bệnh viện Châm cứu Trung ương đã hết hạn giấy phép hoạt động và chuyển sang hoạt động cung cấp dịch vụ cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

- Từ tháng 9/2024 đến nay, chỉ còn Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Bạch Đằng hoạt động trên cơ sở giấy phép hoạt động theo Nghị định số 147/2003/NĐ-CP có thời hạn đến năm 2028. Như vậy, trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện chỉ còn Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Bạch Đằng (*hiện đang điều trị cắt cơn cho 9 người*) là cơ sở cai nghiện tư nhân thuộc quản lý nhà nước của Công an Thành phố.

(3) Quy định của Chính phủ liên quan đến thành lập cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân theo Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy

Các quy định điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân với nhiều quy định nghiêm ngặt đảm bảo các điều kiện thiết yếu phục vụ công tác cai nghiện⁴, dẫn tới nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân không

⁴Gồm: (1) Cơ sở vật chất: Khu y tế và điều trị cắt cơn: Phòng làm việc, phòng đặt thiết bị, kho thuốc, phòng khám, phòng điều trị các bệnh thông thường và bệnh truyền nhiễm, phòng cấp cứu; phòng điều trị cắt cơn có diện tích tối thiểu 05 m²/người cắt cơn và có công trình vệ sinh khép kín. Khu quản lý người cai nghiện ma túy phải đáp ứng theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 46 của Luật Phòng, chống ma túy và phải bố trí: nhà ở của người cai nghiện ma túy có diện tích phòng ở tối thiểu 04 m²/người; nhà sinh hoạt chung; nhà ăn của người cai

đầu tư vào dự án đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

Luật Phòng, chống ma túy và Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ban hành (*có hiệu lực từ 01/7/2026*) đã thể hiện rõ định hướng của Nhà nước trong việc mở rộng xã hội hóa công tác cai nghiện ma túy, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy ngoài công lập; so với Nghị định số 116/2021/NĐ-CP, Nghị định mới đang thể hiện xu hướng mở hơn, linh hoạt hơn và thực tiễn hơn đối với việc thành lập và vận hành cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, đặc biệt ở các nhóm tiêu chí về điều kiện thành lập, cơ sở vật chất và trang thiết bị. Đáng chú ý, Nghị định đã tiếp cận hoạt động cai nghiện theo hướng dịch vụ chuyên môn, cho phép tổ chức, cá nhân thực hiện một hoặc nhiều giai đoạn cai nghiện ma túy phù hợp với điều kiện thực tế. Đồng thời, các quy định về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị có xu hướng linh hoạt hơn, bảo đảm phù hợp quy mô và phạm vi hoạt động, thay vì áp dụng cứng nhắc theo mô hình tập trung như trước đây - đây là cơ sở pháp lý quan trọng để địa phương nghiên cứu, xây dựng Nghị quyết hỗ trợ phát triển cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân nhằm cụ thể hóa chủ trương xã hội hóa, huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước tham gia công tác cai nghiện và tái hòa nhập cộng đồng cho người nghiện ma túy.

2.3. Về thực tiễn phát triển hệ thống cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

Việc phát triển hệ thống cơ sở cai nghiện tư nhân và dịch vụ cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn và xu thế tất yếu của xã hội. Trong bối cảnh các cơ sở công lập đang chịu áp lực quá tải và mô hình cai nghiện tập trung bộc lộ nhiều hạn chế, sự tham gia của khu vực tư nhân giúp đa dạng hóa lựa chọn cho người dân. Đây chính là định hướng bền vững, chuyển từ quản lý hành chính thuần túy sang cung ứng dịch vụ an sinh xã hội chuyên nghiệp, vừa giảm tải cho ngân sách nhà nước, vừa huy động được tối đa nguồn lực xã hội cho mục tiêu xây dựng một Thủ đô an toàn và lành mạnh.

Trên thực tế, nhiều người nghiện ma túy có nhu cầu sử dụng dịch vụ cai nghiện tự nguyện chất lượng cao, bảo đảm tính riêng tư và được hỗ trợ thường xuyên, liên tục tại cộng đồng, điều này đáp ứng trực tiếp nhu cầu cấp thiết của người nghiện và gia đình về một môi trường điều trị nhân văn, bảo mật thông tin và không bị tách rời khỏi mạng lưới hỗ trợ của người thân. Thay vì cảm giác bị "*cách ly*", người nghiện được tiếp cận với các dịch vụ y tế, tâm lý hiện đại và linh hoạt ngay tại địa phương, giúp giảm thiểu mặc cảm xã hội và nâng cao tỷ lệ tái hòa nhập thành công.

nghiện ma túy; khu rèn luyện thể chất, thể dục thể thao cho người cai nghiện ma túy. Khu dạy văn hóa (*nếu tiếp nhận người cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi*) hoặc liên kết dạy văn hóa. Khu giáo dục nghề nghiệp hoặc liên kết giáo dục nghề nghiệp. Có đủ điện, nước, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, hệ thống xử lý nước thải, chất thải.⁽²⁾ Trang thiết bị phục vụ hoạt động cai nghiện ma túy đáp ứng theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định và phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

Mặc dù phát triển hệ thống cai nghiện tư nhân là hướng đi tất yếu, song thực tế hiện nay lĩnh vực này vẫn đang đối mặt với rất nhiều rào cản khiến các nhà đầu tư chưa thực hiện. Khó khăn lớn nhất nằm ở sự **thiếu hụt các cơ chế đặc thù và chính sách ưu đãi đủ mạnh** để bù đắp cho nguồn vốn đầu tư ban đầu lớn cũng như rủi ro vận hành cao. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp còn tâm lý **e ngại về tính chất đặc thù của đối tượng quản lý**, vốn tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an ninh trật tự, đòi hỏi quy trình giám sát khắt khe và đội ngũ nhân sự chuyên môn sâu nhưng khó tuyển dụng. Sự định kiến của cộng đồng đối với các cơ sở cai nghiện đặt tại khu dân cư cũng tạo nên áp lực vô hình, gây khó khăn cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này.

2.4. Về thực tiễn đào tạo lao động tại cơ sở cai nghiện và mối liên kết với các cơ sở sản xuất kinh doanh trong việc tiếp nhận người hoàn thành cai nghiện

Qua kết quả khảo sát nhu cầu học nghề của người đang cai nghiện ma túy tại 04 Cơ sở cai nghiện trên địa bàn Thành phố (do Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy thực hiện trong tháng 5/2026) cho thấy nhu cầu học nghề tập trung chủ yếu vào các nhóm nghề kỹ thuật thực hành và nghề dịch vụ có khả năng tạo việc làm nhanh như: hàn điện, điện dân dụng, may công nghiệp, sửa chữa xe máy, sửa chữa điện thoại, sửa chữa máy tính, điện lạnh, thiết kế tạo mẫu tóc, chăn nuôi thú y, pha chế đồ uống, mộc dân dụng và trồng trọt chăn nuôi kỹ thuật cao - đây đều là các ngành nghề có đặc điểm chung là thời gian đào tạo tương đối ngắn, yêu cầu trình độ đầu vào không quá cao, phù hợp với khả năng tiếp cận của người đang cai nghiện ma túy và có nhu cầu tuyển dụng thực tế lớn trên thị trường lao động Hà Nội.

Cùng với đó, kết quả khảo sát lĩnh vực ngành nghề mà người nghiện mong muốn làm việc (có thể lựa chọn nhiều đáp án): 72% có mong muốn làm việc thực hành đơn giản (sửa chữa điện máy, rửa xe, làm đồ thủ công...); 62% có mong muốn làm việc trong lĩnh vực sản xuất/công nghiệp (cơ khí, điện tử, may mặc, giày da...); 58% có mong muốn làm việc trong lĩnh vực dịch vụ thương mại (bán hàng, giao hàng, nhân viên kho, bảo vệ, tạp vụ...); 47% có mong muốn làm nghề xây dựng; 31% có mong muốn làm nông nghiệp - kết quả khảo sát cũng phản ánh một thực tế quan trọng là đa số người đang cai nghiện ma túy có xu hướng lựa chọn các ngành nghề mang tính thực hành, có khả năng tạo thu nhập nhanh, dễ tìm việc hoặc có thể tự tạo việc làm sau khi hoàn thành quá trình cai nghiện, điều này cho thấy nhu cầu lớn về việc được hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng thông qua việc làm thực chất thay vì chỉ dừng lại ở hoạt động quản lý, giáo dục hoặc cai nghiện mang tính hành chính; đồng thời, cơ cấu ngành nghề được lựa chọn cũng tương đối phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động hiện nay của các doanh nghiệp sản xuất, cơ sở dịch vụ, làng nghề và khu vực kinh tế phi chính thức trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay cho thấy hoạt động đào tạo nghề tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập vẫn còn những hạn chế nhất định. Các cơ sở chủ yếu tổ chức đào tạo nghề ngắn hạn; cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành còn hạn chế, đặc biệt, việc liên kết giữa cơ sở cai nghiện với tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp để tiếp nhận lao động ngay sau khi hoàn thành cai nghiện còn chưa chặt chẽ, dẫn đến tình trạng người học nghề sau khi hoàn

thành cai nghiện về địa phương vẫn khó tìm được việc làm ổn định, thu nhập thấp hoặc quay trở lại môi trường cũ, làm gia tăng nguy cơ tái nghiện.

Từ thực tiễn nêu trên cho thấy, nếu chỉ dừng ở việc đào tạo nghề trong cơ sở cai nghiện mà không có cơ chế hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp tiếp nhận lao động và tạo việc làm tại cộng đồng thì hiệu quả tái hòa nhập cộng đồng sẽ không bền vững. Việc làm ổn định chính là yếu tố quan trọng nhất giúp người sau cai nghiện ma túy duy trì thu nhập, ổn định tâm lý, giảm mặc cảm xã hội và hạn chế nguy cơ tái nghiện.

2.5. Về thực tiễn sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy tại các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố

Việc sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay còn rất nhiều khó khăn, hạn chế và chưa tương xứng với nhu cầu thực tế của người sau cai nghiện ma túy. Mặc dù, Hà Nội là địa bàn tập trung đông dân cư, có tốc độ đô thị hóa cao, quy mô thị trường lao động lớn với hàng triệu lao động từ các tỉnh, thành phố khác đến sinh sống và làm việc, tuy nhiên, khả năng tiếp cận việc làm chính thức của người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù rất hạn chế do bản thân trình độ, tay nghề thấp cùng với mặc cảm tự ti, kỳ thị xa lánh của cộng đồng dẫn tới số lượng doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp nhận lao động là người sau cai nghiện ma túy trên thực tế rất ít và chủ yếu tập trung ở các mô hình sản xuất nhỏ, lao động giản đơn hoặc các cơ sở mang tính hỗ trợ xã hội, chưa có cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút cơ sở kinh doanh "*mạnh dạn*" tiếp nhận nguồn nhân lực này vào làm việc và đào tạo trở thành lao động giỏi. Thực tế cho thấy, nhiều doanh nghiệp chỉ tiếp nhận người sau cai nghiện ma túy thông qua các chương trình phối hợp giới thiệu việc làm với cơ sở cai nghiện hoặc chính quyền địa phương, nhưng tỷ lệ duy trì việc làm bền vững chưa cao. Một số mô hình doanh nghiệp xã hội, hợp tác xã hoặc cơ sở sản xuất gắn với hoạt động hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng bước đầu mang lại hiệu quả tích cực nhưng quy mô còn nhỏ, thiếu nguồn lực đầu tư và chưa có cơ chế hỗ trợ đủ mạnh từ ngân sách nhà nước để mở rộng mô hình.

Từ góc độ cơ sở kinh doanh, phần lớn doanh nghiệp hiện nay chưa sẵn sàng tiếp nhận lao động là người sau cai nghiện ma túy do lo ngại nhiều rủi ro phát sinh trong quá trình sử dụng lao động. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp còn lo ngại ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu hoặc tâm lý của các lao động khác trong doanh nghiệp khi tiếp nhận người có quá khứ nghiện ma túy. Ngoài yếu tố tâm lý và rủi ro xã hội, doanh nghiệp thực tế còn phải phát sinh thêm nhiều chi phí so với lao động thông thường (*phải bố trí thêm nhân sự hướng dẫn, quản lý, hỗ trợ thích nghi môi trường làm việc, hỗ trợ tâm lý và theo dõi quá trình hòa nhập lao động*), đồng thời, tỷ lệ biến động lao động trong nhóm này thường cao hơn do tâm lý mặc cảm, thiếu ổn định cuộc sống hoặc khó khăn trong thích nghi môi trường làm việc. Điều này làm tăng chi phí quản trị nhân sự, chi phí đào tạo và rủi ro sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khi đó, hiện nay chưa có nhiều cơ chế hỗ trợ

đủ mạnh để chia sẻ với doanh nghiệp khi tham gia tiếp nhận lao động là người sau cai nghiện ma túy.

III. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

1. Mục đích, ý nghĩa

- Xây dựng chính sách nhằm tạo hành lang pháp lý để thu hút thêm doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào lĩnh vực cai nghiện ma túy; mở rộng mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn Thành phố. Tạo điều kiện để người nghiện ma túy được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, điều trị, phục hồi và hỗ trợ cai nghiện phù hợp với nhu cầu, hoàn cảnh và điều kiện thực tế; nâng cao hiệu quả cai nghiện và hạn chế tái nghiện.

- Tạo động lực để doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp nhận lao động thuộc nhóm đối tượng đặc thù; góp phần giúp người lao động ổn định cuộc sống, nâng cao thu nhập và giảm nguy cơ tái nghiện, tái phạm, bảo đảm an ninh trật tự và mục tiêu phát triển an sinh xã hội bền vững của Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn hiện nay.

2. Tác động của Nghị quyết

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hoàn thiện hệ thống pháp luật của Thành phố trong việc triển khai thực hiện Luật Thủ đô. Đảm bảo phù hợp với Luật Phòng, chống ma túy, Luật Việc làm, Luật Ngân sách nhà nước và các chủ trương xã hội hóa được quy định tại các Nghị định của Chính phủ. Có tác động tích cực đối với việc hoàn thiện cơ chế pháp lý về xã hội hóa công tác cai nghiện ma túy và tái hòa nhập cộng đồng trên địa bàn Thủ đô.

- Tác động về kinh tế: Về lâu dài, chính sách có thể giúp giảm chi phí xã hội phát sinh từ tái nghiện, tái phạm tội, thất nghiệp, mất an ninh trật tự và giảm áp lực đầu tư ngân sách cho hệ thống cơ sở cai nghiện công lập. Tuy nhiên, chính sách cũng làm phát sinh nghĩa vụ chi ngân sách địa phương để thực hiện các khoản hỗ trợ ưu đãi.

- Tác động về xã hội: Chính sách có tác động xã hội tích cực và trực tiếp đối với công tác phòng, chống ma túy, hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô. Chính sách còn có ý nghĩa thúc đẩy thay đổi nhận thức xã hội theo hướng tăng tính nhân văn, giảm kỳ thị đối với người sau cai nghiện ma túy, tạo điều kiện để họ từng bước phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng bền vững.

- Tác động về giới: Việc bổ sung, xây dựng chính sách mới không có sự tác động về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo dự thảo Nghị quyết sẽ phát sinh một số thủ tục hành chính liên quan đến hồ sơ đề nghị hỗ trợ, xác nhận điều kiện hoạt động, xác định số lao động thuộc diện hỗ trợ, thực hiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương... Tuy nhiên, các thủ tục này là cần thiết nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, kiểm soát đúng đối tượng và phòng ngừa tình trạng trục lợi chính sách.

- Tác động tiêu cực: Có thể phát sinh việc lợi dụng chính sách để kê khai không số lao động là người sau cai nghiện ma túy, ký hợp đồng lao động hình

thức hoặc sử dụng chính sách ưu đãi để hợp thức hóa hoạt động kinh doanh không đúng mục đích.

IV. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

1. Phạm vi: quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

(1) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

(2) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy.

(3) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Điều kiện được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ

(1) Dự án đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

a) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật có dự án đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

b) Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

(2) Cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (*sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất kinh doanh*) được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật có sử dụng tối thiểu 30% tổng số lao động là người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy và có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy là thành viên cùng hộ gia đình với chủ hộ kinh doanh hoặc là thành viên hộ kinh doanh thì không yêu cầu hợp đồng lao động.

4. Nội dung chính sách ưu đãi, hỗ trợ

(1) Đối với dự án đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

a) Miễn tiền sử dụng đất khi thành lập cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; thời gian hưởng chính sách: căn cứ thời gian dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền cho phép;

b) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ các hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; thời gian hưởng chính sách: trong thời hạn theo quy định của pháp luật và chính sách ưu đãi khác của Thành phố;

c) Hỗ trợ lãi suất vay vốn chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn ngân sách Thành phố ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng

chính sách xã hội Thành phố khi thành lập cơ sở cai nghiện ma túy tự nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

- Mức hỗ trợ: 50% lãi suất khi vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.
- Hình thức hỗ trợ: Ngân sách Thành phố hỗ trợ trực tiếp đối với cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng sau khi hoàn thành nghĩa vụ trả lãi tại Ngân hàng chính sách xã hội. Thực hiện chi trả hỗ trợ 01 năm/01 lần đối với 01 cơ sở.
- Thời gian hưởng chính sách: trong 05 năm kể từ ngày thành lập.

d) Tiền ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và tiền khuyến khích, động viên cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống ma túy được tính là chi phí hợp pháp của doanh nghiệp khi hạch toán hoặc được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với cá nhân cư trú tại Thành phố.

(2) Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng tối thiểu 30% tổng số lao động là người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy được vay vốn tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03/3/2026 của Chính phủ từ nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

- a) Mức vay tối đa là 10 tỷ đồng/cơ sở sản xuất kinh doanh và không quá 500 triệu đồng/người lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh;
- b) Lãi suất cho vay được áp dụng bằng lãi suất cho vay đối với đối tượng hộ nghèo theo quy định hiện hành của Hội đồng nhân dân Thành phố;
- c) Thời hạn cho vay: Áp dụng theo quy định hiện hành của chương trình tín dụng theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội.

(3) Nguyên tắc áp dụng

- a) Mỗi cơ sở sản xuất, kinh doanh, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 3 chỉ được hưởng 01 chính sách ưu đãi, hỗ trợ cao nhất về lãi suất vay vốn của Thành phố;
- b) Các trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng, sử dụng không đúng mục đích đăng ký dự án đầu tư sẽ thực hiện chấm dứt, thu hồi, bồi hoàn theo quy định hiện hành của pháp luật.

(4) Nguồn kinh phí: nguồn ngân sách cấp Thành phố.

V. Điều mới, đặc thù, vượt trội

1. Việc nâng mức cho vay tối đa lên 10 tỷ đồng/cơ sở sản xuất kinh doanh, mức cho vay này đã có sự hỗ trợ hơn rất nhiều so với mức cho vay quy định tại tiết b, khoản 2, điều 7 Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03/3/2026 của Chính phủ (*mức cho vay tối đa là 2 tỷ đồng/cơ sở sản xuất kinh doanh và không quá 200 triệu đồng/người lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh*), thể hiện tính ưu việt của dự thảo Nghị quyết; đồng thời, đảm bảo hài hòa với mức cho vay theo quy định đối với 01 cơ sở sản xuất kinh doanh vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở

rộng việc làm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm (*khoản 1, Điều 5 Nghị định quy định mức cho vay đối với cơ sở sản xuất kinh doanh tối đa là 10 tỷ đồng và không quá 200 triệu đồng cho 01 người lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm*).

2. Đối với dự án đầu tư vào CSCN tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai tại gia đình cộng đồng, từ trước đến nay chưa có chính sách nào hỗ trợ riêng đối với đối tượng này: Đây là lĩnh vực mang tính đặc thù, có ý nghĩa xã hội sâu sắc, trực tiếp góp phần bảo đảm an ninh trật tự, sức khỏe cộng đồng và giảm các hệ lụy phát sinh từ tệ nạn ma túy nhất là trong thời điểm Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 và Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật PCMT (***có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026***) quy định nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cai nghiện tại gia đình, cộng đồng (*quy định tại khoản 8 Điều 3; điểm b khoản 5 Điều 42; điểm d khoản 1 Điều 46*). Trên thực tế, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư trong lĩnh vực này có chi phí đầu tư cao về đất đai và cơ sở hạ tầng, chi phí vận hành lớn, yêu cầu đội ngũ chuyên môn cao, cơ sở vật chất đặc thù, trong khi khả năng sinh lợi không cao và thời gian thu hồi vốn kéo dài, mang tính phục vụ xã hội cao. Nếu không có cơ chế hỗ trợ đủ mạnh thì khó thu hút nguồn lực xã hội tham gia.

Chuyên đề 2

NỘI DUNG TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ PHÁP LUẬT VỀ NGHỊ QUYẾT SỐ 56/2026/NQ-HĐND

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 56/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố quy định về mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; giao thông đường bộ liên quan trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội (*thực hiện điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16*).

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Thủ đô quy định: “*Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức tiền phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung và thẩm quyền phạt tiền tương ứng do Chính phủ quy định đối với hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy, an toàn thực phẩm, giao thông đường bộ, bảo vệ môi trường, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố*”.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15.

- Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15.

- Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 23/2023/QH15 và Luật số 118/2025/QH15.

- Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 51/2019/QH14, Luật số 23/2023/QH15 và Luật số 118/2025/QH15.

- Luật Cư trú số 68/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 118/2025/QH15.

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 118/2025/QH15.

- Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

- Nghị định số 282/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Nghị định số 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Nghị định số 56/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo; Nghị định số 58/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước.

- Nghị định số 168/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm và phục hồi điểm giấy phép lái xe.

- Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

2.2. Cơ sở thực tiễn

(1) Lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, trong thời gian qua, UBND Thành phố đã chỉ đạo Công an Thành phố, các đơn vị chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Căn cứ Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 08/5/2024 của UBND Thành phố về sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình, từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2023, các đơn vị của Thành phố tổ chức kiểm tra, phát hiện 32.845 vụ việc, xử lý 36.151 trường hợp vi phạm về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phạt tiền 78.538.528.400 đồng.

Sau 06 tháng triển khai thực hiện Nghị định số 282/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình. Về cơ bản Nghị định 282/2025/NĐ-CP đã nâng mức phạt các hành vi vi phạm trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tuy nhiên, với đặc thù của Thủ đô tốc độ đô thị hóa nhanh, số lượng dân cư đông, biến động dân cư phức tạp và trình độ dân trí cao,

đòi hỏi tính thực thi pháp luật tiên phong nhất, tính răn đe pháp luật và tuyên truyền pháp luật cao nhất, trong khi đó, một số hành vi vi phạm quy định về đăng ký quản lý cư trú; cấp, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện... mức tiền phạt còn thấp, chưa đủ sức răn đe đối với cá nhân, tổ chức vi phạm.

(2) Lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú và đi lại

Sau khi bỏ Công an cấp huyện, Công an cấp xã vừa sắp xếp tổ chức, lực lượng làm công tác quản lý người nước ngoài (NNN) còn mỏng, phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực. Công tác trao đổi, chia sẻ thông tin và kiểm tra hậu kiểm của các sở, ban, ngành trong Thành phố còn hạn chế, bất cập. Ý thức chấp hành việc khai báo tạm trú cho NNN của các Cơ sở lưu trú còn hạn chế. Trong khi đó, công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý NNN cư trú và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan theo Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của NNN tại Việt Nam còn chưa được thường xuyên, liên tục. Dẫn đến nhiều cơ sở lưu trú không thông báo cho cơ quan Công an về việc NNN thuê nhà đã quá hạn tạm trú để xử lý theo quy định.

Mặt khác, quy định mức xử phạt đối với một số hành vi vi phạm trong lĩnh vực này còn nhẹ, không đủ tính răn đe đối với NNN và chủ cơ sở lưu trú. Việc này có thể dẫn đến việc che giấu hành vi vi phạm pháp luật khác của NNN hoặc vì lợi nhuận mà bỏ qua các lỗi vi phạm khác của NNN.

2.3. Lĩnh vực giao thông đường bộ

Thực hiện chức năng nhiệm vụ, Công an Thành phố chủ trì giải quyết 02 điểm nghẽn về trật tự đô thị và ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố, các đơn vị trong Công an Thành phố tiếp tục triển khai nhiều giải pháp bảo đảm trật tự đô thị và an toàn giao thông: tập trung rà soát lắp đặt hệ thống Camera AI, thành lập trung tâm camera giám sát tại cơ sở; đẩy mạnh giải tỏa chợ cóc, điểm kinh doanh tự phát và triển khai mô hình "*lưỡng dụng*" trên địa bàn xã, phường tiếp tục điều hành, phân luồng tại 16 điểm thường xuyên ùn tắc; đồng thời tăng cường kiểm tra các công trình thi công ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng giao thông (*từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/3/2026, Công an Thành phố đã xử lý 552.912 trường hợp vi phạm trật tự, an toàn giao thông đã bị xử lý, tổng số tiền phạt hơn 1.370 tỷ đồng; hệ thống Camera giám sát phát hiện, gửi thông báo 30.239 trường hợp vi phạm, riêng hệ thống Camera AI phát hiện, gửi thông báo 19.304 trường hợp vi phạm*).

Sau hơn 01 năm triển khai thi hành Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe. Tại một số địa bàn vẫn còn tình trạng lấn chiếm lòng đường, vỉa hè, vi phạm biển quảng cáo, tái diễn chợ cóc và kinh doanh tự phát, Công an Thành phố đã triển khai quyết liệt, chủ động các giải pháp về trật tự đô thị trong bối cảnh Thành phố thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp nhằm tạo

thể chủ động các xã, phường trong công tác quản lý địa bàn, tăng cường công tác trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm kéo dài, tuy nhiên, nhiều nội dung còn gặp phải khó khăn, vướng mắc về cơ sở pháp lý và thực tiễn trong quá trình triển khai như: chợ cóc tái hoạt động, xe đẩy hàng rong, biển quảng cáo,... Mặt khác, mức tiền phạt đối với những hành vi này còn thấp, chưa đủ sức răn đe đối với cá nhân, tổ chức vi phạm, như: hành vi “*Dùng xe đẩy làm quầy hàng lưu động trên đường gây cản trở giao thông*”, có mức tiền phạt theo quy định tại Nghị định số 168/2024/NĐ-CP là từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng; Hành vi “*Bán hàng rong hoặc bán hàng hóa nhỏ lẻ khác trên lòng đường, trên vỉa hè các tuyến phố có quy định cấm bán hàng*”, có mức tiền phạt theo quy định tại Nghị định số 168/2024/NĐ-CP là từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng...

Căn cứ các cơ sở pháp lý, chính trị và thực tiễn nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết quy định về mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội giao thông đường bộ liên quan trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội là cần thiết và bảo đảm đúng thẩm quyền nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức, đồng thời giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội, góp phần rút ngắn thời gian, quá trình giải quyết 05 điểm nghẽn trên địa bàn Thủ đô trong đó trọng tâm vấn đề trật tự đô thị, ùn tắc giao thông. Việc xây dựng chính sách quy định mức tiền phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố cao hơn nhưng không quá 02 (hai) lần mức tiền phạt chung và thẩm quyền phạt tiền tương ứng do Chính phủ quy định đối với các hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, giao thông đường bộ.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

(1) Mục đích, ý nghĩa:

- Cụ thể hóa, quy định chi tiết các nội dung được Luật Thủ đô giao thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

- Tạo cơ sở pháp lý trong việc kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, giao thông đường bộ của các lực lượng chức năng Thành phố góp phần giải quyết các điểm nghẽn về ùn tắc giao thông và trật tự đô thị.

- Nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức trong các hoạt động liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, góp phần phòng ngừa, giáo dục chung trong xã hội và kéo giảm tình hình tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật khác.

(2) Tác động của Nghị quyết

- + Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hoàn thiện hệ thống pháp luật của Thành phố trong việc triển khai thực hiện Luật Thủ đô. Bảo đảm tính minh bạch,

rõ ràng, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

+ Tác động về kinh tế: Việc quy định về chính sách như đề xuất nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, hạn chế vi phạm, giảm thiểu chi phí xã hội do mất trật tự, an toàn xã hội và góp phần xây dựng môi trường đô thị văn minh, kỷ cương. Tạo tiền đề cho phát triển kinh tế khi công tác ANTT, TTATXH được đảm bảo, thực hiện đúng các quy định, mục tiêu, thực thi chính sách thuế của Nhà nước.

+ Tác động về xã hội: Việc xây dựng chính sách sẽ tác động đến ý thức của cá nhân, tổ chức trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về an ninh trật tự, an toàn xã hội, giao thông đường bộ gắn với trật tự đô thị nếu không sẽ bị áp dụng mức tiền phạt cao hơn mức tiền phạt chung; như vậy, tác động về xã hội của việc xây dựng chính sách là tích cực, phù hợp với những chính sách, biện pháp Thành phố đang triển khai mạnh mẽ về tập trung giải quyết 05 điểm nghẽn trên địa bàn Thành phố, để xây dựng và phát triển Thủ đô "*Văn hiến - Văn minh - Hiện đại - Hạnh phúc*"; lấy con người làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của phát triển.

+ Tác động về giới: Việc bổ sung, xây dựng chính sách mới không có sự tác động về giới.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh các thủ tục hành chính.

+ Tác động tiêu cực: Trong quá trình thực hiện thời gian đầu có thể có những vướng mắc trong triển khai thực hiện quy định mới và phản ứng của dư luận xã hội về mức phạt tăng cao do ảnh hưởng đến kinh tế của người dân, tuy nhiên, các chính sách trên tập trung chủ yếu vào cơ sở kinh doanh, người điều khiển ô tô với lỗi cố ý, vì mục tiêu lợi nhuận..., đảm bảo khả năng thi hành quyết định xử phạt của các chủ thể bị xử phạt.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

4.1 Phạm vi điều chỉnh: Quy định các hành vi vi phạm hành chính, mức tiền phạt đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; giao thông đường bộ liên quan trật tự đô thị.

4.2. Đối tượng áp dụng

- Các cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; giao thông đường bộ liên quan trật tự đô thị trên địa bàn Thành phố.

- Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

4.3. Nội dung chính sách:

(1) Nghị quyết quy định 28 hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; giao thông đường bộ liên quan trật tự đô thị tăng mức

tiền phạt trong đó: 24 hành vi trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội và 04 hành vi thuộc nhóm hành vi giao thông đường bộ liên quan trật tự đô thị; dừng, đỗ xe, cụ thể:

- 12 hành vi vi phạm quy định về đăng ký quản lý cư trú: có 08 hành vi có mức tiền phạt sau khi tăng là từ 3 triệu đến 6 triệu đồng; 04 hành vi có mức tiền phạt sau khi tăng là từ 6 triệu đến 12 triệu đồng.

- 02 hành vi vi phạm quy định về cấp, quản lý, sử dụng thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy chứng nhận căn cước, có mức tiền phạt sau khi tăng là từ 3 triệu đến 6 triệu đồng.

- 01 hành vi vi phạm quy định về quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, có mức tiền phạt sau khi tăng là từ 15 triệu đến 30 triệu đồng.

- 02 hành vi vi phạm các quy định về thi hành các biện pháp xử lý hành chính, có mức tiền phạt sau khi tăng là từ 1 triệu đến 2 triệu đồng.

- 07 hành vi vi phạm các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú và đi lại:

Trong đó có 03 hành vi vi phạm liên quan đến cơ sở lưu trú, có mức tiền phạt từ 6 triệu đến 40 triệu; 03 hành vi vi phạm liên quan hộ chiếu, giấy thông hành, có mức tiền phạt sau khi tăng từ 1 đến 10 triệu đồng; 01 hành vi vi phạm liên quan mời, bảo lãnh cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú..., có mức tiền phạt sau khi tăng là từ 30 triệu đến 37,5 triệu đồng.

- 04 hành vi vi phạm thuộc nhóm hành vi giao thông đường bộ liên quan trật tự đô thị; dừng, đỗ xe có mức tiền phạt sau khi tăng từ 200 nghìn đồng đến 6 triệu đồng.

(2) Thẩm quyền xử phạt

Người có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, Nghị định số 168/2024/NĐ-CP và Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có thẩm quyền xử phạt tương ứng với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

(3) Nguyên tắc áp dụng

Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức tiền phạt của tổ chức gấp 02 (hai) lần mức tiền phạt đối với cá nhân.

Chuyên đề 3

NỘI DUNG TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ PHÁP LUẬT VỀ NGHỊ QUYẾT SỐ 76/2025/NQ-HĐND

1. Tên Nghị quyết:

- Nghị quyết số 76/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của HĐND Thành phố quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành phố Hà Nội, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Thủ đô năm 2024.

- Nghị quyết được tiếp tục có hiệu lực theo quy định tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND Thành phố Hà Nội công bố nghị quyết quy phạm pháp luật triển khai thi hành Luật thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23/4/2026.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

2.1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.
- Luật Thủ đô ban hành ngày 28/6/2024; Luật Thủ đô số 02/2026/QH16.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025.
- Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29/11/2024;
- Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 25/6/2025.

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 69/2026/NĐ-CP ngày 06/3/2026 của Chính phủ.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (*viết tắt là PCCC và CNCH*), trong thời gian qua UBND Thành phố đã chỉ đạo lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, các đơn vị chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về PCCC trên địa bàn, kiên quyết xử lý đối với các công trình, cơ sở vi phạm về PCCC. Theo thống kê từ 2022 đến nay: Các đơn vị của Thành phố tổ chức kiểm tra an toàn PCCC tổng cộng đối với 220.246 lượt cơ sở, phát hiện và kiến nghị khắc phục 273.649 tồn tại, vi phạm về PCCC, phát hiện 15.634 hành vi vi phạm, xử phạt 7.565 tổ chức, 8.304 cá nhân, phạt tiền trên 170 tỷ đồng, tạm đình chỉ, đình chỉ 4.412 lượt cơ sở (*trong đó: Năm 2022: Phát hiện, xử lý 7.824 trường hợp vi phạm hành chính về PCCC và CNCH; xử phạt 4.299 tổ chức, 2.980 cá nhân vi phạm; số tiền phạt khoảng 82 tỷ 600 triệu đồng; Năm 2023: Phát hiện, xử lý 2.929 trường hợp vi phạm hành chính về PCCC và CNCH; xử phạt 1.274 tổ chức, 1.656 cá nhân vi phạm; số tiền phạt khoảng 40 tỷ 800 triệu đồng; Năm 2024: Phát hiện, xử lý 4.881 trường hợp vi phạm hành chính về PCCC và CNCH; xử phạt 1.586 tổ chức, 3.294 cá nhân vi phạm; số tiền phạt khoảng 35 tỷ 600 triệu đồng; 3 Quý đầu năm 2025: Phát hiện, xử lý 780 trường hợp vi phạm hành chính về PCCC và CNCH; xử phạt 406 tổ chức, 374 cá nhân vi phạm; số tiền phạt khoảng 10 tỷ 500 triệu đồng*). Ngoài ra, từ 2022 đến nay, trên địa bàn Thành phố xảy ra 3.403 vụ cháy và 05 vụ nổ làm 146 người chết và 106 người bị thương, thiệt hại về tài sản hàng trăm tỷ đồng và đang tiếp tục thống kê, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, phát triển kinh tế, xã hội và gây ô nhiễm môi trường.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra nhận thấy vi phạm về PCCC tập trung chủ yếu ở các hành vi: không tổ chức thực hiện văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền (*1.352 trường hợp*); thi công, lắp đặt không đúng theo thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt (*825 trường hợp*); không trình hồ sơ để thẩm duyệt lại khi cải tạo, mở rộng, thay đổi tính chất sử dụng nhà, công trình trong quá trình thi công, sử dụng (*1.192 trường hợp*); tổ chức thi công, xây dựng công trình thuộc diện phải thẩm duyệt về PCCC khi chưa có giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC (*1.200 trường hợp*); đưa nhà, công trình vào hoạt động, sử dụng khi chưa tổ chức nghiệm thu về PCCC (*1.701 trường hợp*)... Bên cạnh các biện pháp xử lý về hành chính, Thành phố đang tải công khai danh tính công trình, tên chủ đầu tư vi phạm PCCC lên các trang thông tin điện tử, thông báo Sở Kế hoạch và đầu tư để xem xét, không duyệt chủ trương đầu tư tiếp theo, đồng thời chỉ đạo đồng bộ các đơn vị (*trong đó có cả các đơn vị cung cấp điện, cung cấp nước*) để kiểm tra và xử lý

triệt để theo quy định pháp luật chuyên ngành; giao chính quyền địa phương sở tại giám sát việc chấp hành quyết định của cơ sở. Đối với các công trình vi phạm nghiêm trọng, có thái độ chây ì, cố tình không khắc phục, Cơ quan QLNN về PCCC và CNCH chuyển hồ sơ vụ vi phạm để Cơ quan Cảnh sát điều tra nghiên cứu, xem xét xử lý hình sự theo quy định, trong đó đã có một số trường hợp Cơ quan Cảnh sát điều tra CATP đã quyết định khởi tố vụ án hình sự theo quy định.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

3.1. Mục đích, ý nghĩa của Nghị quyết:

- Cụ thể hóa, quy định chi tiết các nội dung được Luật Thủ đô giao thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố; tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy do Chính phủ quy định.

- Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, giáo dục, chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực PCCC từ đó nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước về PCCC trên địa bàn Thủ đô, hạn chế đến mức thấp nhất vi phạm, giảm thiểu nguy cơ dẫn đến cháy nổ gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản.

3.2. Tác động của Nghị quyết

Từ thực tiễn, yêu cầu công tác PCCC trên địa bàn Thành phố, nhất là xác định coi trọng công tác phòng ngừa, phòng cháy, không để xảy ra tình trạng “*cháy rồi mới chữa*” để giảm thiểu hậu quả (*tài sản, tính mạng, môi trường...*) khi xảy ra các cháy nổ; căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 33 Luật Thủ đô năm 2024 quy định: “*Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy, an toàn thực phẩm, giao thông đường bộ, bảo vệ môi trường, an ninh, trật tự, an toàn xã hội*”, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành phố Hà Nội **theo các nguyên tắc, nội dung cơ bản** như sau:

- **Về nguyên tắc lựa chọn:** Căn cứ thực trạng tình hình vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn Thủ đô, để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về PCCC&CNCH, tăng cường các giải pháp về công tác phòng ngừa, ngăn chặn các vi phạm, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của chủ đầu tư, người đứng đầu cơ sở và người dân trong công tác PCCC&CNCH, hạn chế thấp nhất tình trạng cháy nổ và thiệt hại do cháy, nổ gây ra, trong đó tổ chức rà soát các kỹ lưỡng các hành vi vi phạm hành chính, mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực PCCC&CNCH theo quy định tại Nghị định 106/2025/NĐ-CP của Chính phủ để lựa chọn các hành vi vi phạm cần

nâng mức xử phạt. Việc lựa chọn/không lựa chọn các hành vi vi phạm cần nâng mức xử phạt cao hơn dựa trên những nguyên tắc:

(1) Các hành vi vi phạm cần phải nâng mức tiền phạt để tăng cường công tác phòng ngừa, giáo dục, ngăn chặn tái phạm, răn đe chung; các hành vi vi phạm liên quan đến ý thức, trách nhiệm; các hành vi vi phạm có tính chất nguy hiểm, có khả năng dẫn đến cháy, khi cháy có thể gây hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản... để góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm trong công tác PCCC&CNCH, từng bước kéo giảm tình hình cháy, nổ, giảm thiểu thiệt hại do cháy, nổ gây ra.

(2) Việc lựa chọn các hành vi vi phạm để nâng mức xử phạt đảm bảo nguyên tắc cao hơn tối đa 02 lần và không quá mức tiền phạt tối đa (*50 triệu đồng đối với cá nhân, 100 triệu đồng đối với tổ chức*) trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 và điểm c khoản 1 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính khoản 1 Điều 4 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

(3) Các hành vi vi phạm phổ biến vừa đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa, vừa đảm bảo sự phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn Thủ đô, các hành vi tác động chủ yếu đến tổ chức, doanh nghiệp, ít tác động đến hộ gia đình.

(4) Không đề xuất nâng mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm thuộc các nhóm:

- Các nhóm hành vi vi phạm có tính chất ít nghiêm trọng, hành vi vi phạm không phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cháy, nổ (*không đảm bảo về hồ sơ, công tác báo cáo về PCCC...*).

- Các nhóm hành vi vi phạm tại Nghị định 106/2025/NĐ-CP đã quy định tăng gấp 2 lần mức xử phạt khi để xảy ra cháy.

- Các hành vi vi phạm tại Nghị định 106/2025/NĐ-CP đã quy định tăng mức xử phạt nhiều lần so với Nghị định số 144/2021/NĐ-CP.

Qua rà soát các hành vi vi phạm, căn cứ theo các nguyên tắc lựa chọn hành vi vi phạm nêu trên, đề xuất nâng mức xử phạt theo các nhóm với **69** hành vi quy định tại Nghị định 106/2025/NĐ-CP cụ thể:

(1) Nhóm 1: Nâng mức xử phạt 1,5 lần (*mức trung bình*) so với quy định tại Nghị định 106/2025/NĐ-CP đối với **30** hành vi vi phạm mang tính phổ biến, không mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng, việc khắc phục các hành vi vi phạm này có thể thực hiện trong thời gian ngắn, đặc trưng là tổ chức, cá nhân đã thực hiện được một số quy định về PCCC nhưng không đầy đủ, không duy trì thường xuyên các điều kiện an toàn PCCC đối với cơ sở, công trình. Những hành vi vi phạm này ***cần thiết*** nâng mức xử phạt để tăng cường công tác phòng ngừa, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm trong công tác PCCC, hạn chế tình trạng tái phạm,

chấp nhận nộp phạt nhưng vẫn vi phạm..., điển hình như: Không tổ chức tuyên truyền, thành lập Đội PCCC cơ sở, không tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC, không duy trì hoạt động phương tiện, thiết bị PCCC...

(2) Nhóm 2: Nâng mức xử phạt đến mức tối đa (50 triệu đồng đối với cá nhân, 100 triệu đồng đối với tổ chức) trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 và điểm c khoản 1 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính khoản 1 Điều 4 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP đối với **39** hành vi vi phạm mang tính chất “**cố ý**”, hành vi vi phạm có tính chất nghiêm trọng, hành vi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cháy, nổ, khi cháy, nổ có khả năng gây hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản cần phải tăng nặng mức xử phạt để tăng cường tính răn đe, phòng ngừa chung, buộc chủ đầu tư, người đứng đầu cơ sở phải tổ chức khắc phục, điển hình như: các hành vi vi phạm về sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, sử dụng thiết bị điện, sản xuất, vận chuyển, sử dụng chất, hàng nguy hiểm cháy nổ, lối thoát nạn, ngăn cháy lan, không trang bị, chưa trang bị phương tiện, thiết bị PCCC, không thực hiện các yêu cầu theo quy định của pháp luật....

Đối với nhóm hành vi nâng mức xử phạt đến mức tối đa được chia làm các nhóm do thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23, điểm c khoản 1 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP: “*Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với cá nhân đến 50.000.000 đồng. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân*”.

- **Về thủ tục hành chính:** **Nghị quyết không làm phát sinh** thủ tục hành chính cho cơ quan quản lý, người dân, tổ chức, doanh nghiệp, chỉ nâng mức tiền phạt, không thay đổi thủ tục, hồ sơ, có tác động không nhiều đến thẩm quyền xử phạt của các chức danh có thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy.

Các hành vi vi phạm về PCCC được lựa chọn để nâng mức xử phạt so với Nghị định 106/2025/NĐ-CP trên cơ sở các nguyên tắc nêu trên, đã đánh giá tác động đối với các đối tượng điều chỉnh, xem xét khả năng chấp hành nộp phạt của tổ chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn. Trong đó chủ yếu tác động đến các tổ chức, doanh nghiệp và một số hộ sản xuất, kinh doanh có quy mô lớn có khả năng chấp hành, thi hành quyết định xử phạt vi phạm, ít có tác động đối với hộ gia đình và cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh có quy mô nhỏ, do đó khi ban hành Nghị quyết có thể áp dụng thuận lợi và đi vào cuộc sống.

Nhận xét: Xuất phát từ thực tế đặc thù của địa bàn Thành phố, căn cứ các quy định của pháp luật, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết “*Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy trên*

địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 33 Luật Thủ đô” là cần thiết, đảm bảo đúng thẩm quyền và có tính khả thi khi áp dụng.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

4.1. Về bố cục của Nghị quyết: Nghị quyết gồm 08 Điều và 01 phụ lục.

4.2. Nội dung cơ bản: Nghị quyết quy định những nội dung cơ bản sau:

a. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức tiền phạt cao hơn đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

b. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác;

- Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị quyết này.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị quyết này.

c. Nội dung chính sách: Quy định 04 mức nâng mức tiền phạt lên 1,2 lần, 1,5 lần, 1,6 lần, 2 lần đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn Thành phố Hà Nội so với Nghị định 106/2025 của Chính phủ. Chi tiết các hành vi vi phạm được quy định cụ thể tại phụ lục ban hành kèm theo, cụ thể:

- Nâng mức xử phạt tối đa 02 lần: 34 hành vi vi phạm.

- Nâng mức xử phạt tối đa được 1,6 lần 04 hành vi vi phạm (do mức phạt tại Nghị định 106 quy định từ 20 triệu đến 30 triệu đồng, không thể tăng thêm do quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính giới hạn mức phạt tiền trong lĩnh vực PCCC đến 50 triệu đồng).

- Nâng mức xử phạt tối đa được 1,2 lần 01 hành vi vi phạm (do mức phạt tại Nghị định 106 quy định từ 30 triệu đến 40 triệu đồng, không thể tăng thêm do quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính giới hạn mức phạt tiền trong lĩnh vực PCCC đến 50 triệu đồng).

69 hành vi vi phạm chi tiết được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết.

Lưu ý: Tại thời điểm hiện tại, Nghị định 69/2026/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 106, căn cứ khoản 5 của Nghị quyết, có 02 hành vi sửa đổi tại Nghị định 69 thì thực hiện theo Nghị định 69, cụ thể:

(1) Sửa đổi hành vi quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 25 Nghị định 106/2025/NĐ-CP (Nghị quyết 76/2025/NQ-HĐND quy định tại mục 63): “*Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì khoảng cách phòng cháy, chữa cháy giữa các nhà và công trình*” thành “*“Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì khoảng cách phòng cháy, chữa cháy giữa nhà, công trình”*”.

(2) Bãi bỏ hành vi quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 25 Nghị định 106/2025/NĐ-CP (Nghị quyết 76/2025/NQ-HĐND quy định tại mục 64): *Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không có bộ phận ngăn cháy, trừ hành vi quy định.*

c. Quy định về thẩm quyền xử phạt: Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP của Chính phủ có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết và thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

Một số lưu ý khi áp dụng thẩm quyền xử phạt:

- Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy quy định tại Nghị định 106/2025/NĐ-CP, Nghị định 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 69/2026/NĐ-CP*) có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị quyết 76/2025/NQ-HĐND.

- Thẩm quyền xử phạt của từng chức danh được quy định cụ thể như sau:

- + Chủ tịch UBND cấp xã: Phạt tiền đến 25.000.000đ;
- + Chiến sỹ CAND: Phạt tiền đến 5.000.000đ;
- + Đội trưởng: Phạt tiền đến 15.000.000đ;
- + Trưởng Công an cấp xã: Phạt tiền đến 25.000.000đ;
- + Trưởng phòng Cảnh sát PCCC và CNCH: Phạt tiền đến 40.000.000đ;
- + Giám đốc CATP: Phạt tiền đến 50.000.000đ;
- + Giám đốc Sở Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và môi trường: Phạt tiền đến 40.000.000đ;

d. Nguyên tắc áp dụng:

- Mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính áp dụng mức tiền phạt cao hơn tối đa 02 (hai) lần áp dụng cho cá nhân, tổ chức quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP và không vượt quá mức phạt tiền tối đa đối với lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

- Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức tiền phạt của tổ chức gấp 02 (hai) lần mức tiền phạt đối với cá nhân.

e. Quy định chuyển tiếp:

- Đối với những hành vi vi phạm quy định tại Điều 5 của Nghị quyết đã được lập Biên bản vi phạm hành chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì áp dụng mức tiền phạt quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

- Trường hợp Chính phủ có điều chỉnh, sửa đổi đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 5 Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định của Chính phủ.

- Trường hợp pháp luật có điều chỉnh quy định về thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy thì thực hiện theo quy định của pháp luật.